

Số: 133/2021/DS-PT

Ngày: 13/4/2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh
Ông Mai Tiến Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DSST, ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2021/QĐ - PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng KT

Trụ sở: 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt T, bà Nguyễn Thị Ng, đều là Cán bộ xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (theo Văn bản ủy quyền số: 223-03/2021/UQ-TCB. Ông T, bà Ng có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977 (có mặt tại phiên tòa);

Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1975 (có mặt tại phiên tòa);

Đều có Hộ khẩu thường trú tại: Thôn Trần Phú, xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1969 *(có mặt tại phiên tòa)*;

2. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1974 *(có mặt tại phiên tòa)*;

Đều có HKTT: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

3. Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1988; chị Bùi Thị Lan Anh, sinh năm 1988

Đều có HKTT tại: Thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Hiện đang tạm trú tại: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội *(anh Đức và chị Lan Anh vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng KT và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/4/2011, Ngân hàng KT- Chi nhánh Thăng Long (Phòng giao dịch Ngân hàng KT Phạm Sư Mạnh, địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội) ký Hợp đồng tín dụng số 47143/HĐTD/TH - TN/TCBTLG - PSM với ông vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh và cho vay 1.850.000.000đồng. Theo hợp đồng tín dụng, ông B, bà Nh vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/9/2011 là 22%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày 2/1, 1/4, 1/7, 1/10 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng KT - hội sở/Chi nhánh tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông B, bà Nh đã thế chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 376A, tờ bản đồ số 3, diện tích 75m², tại Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2008 mang tên ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/4/2011 giữa các bên tại Văn phòng công chứng Thăng Long, số 54 Trần Nhân Tông, quận Hai bà Trưng, thành phố Hà Nội).

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông B, bà Nh đã không trả nợ được cho Ngân hàng đúng thời hạn như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhưng bà Nh, ông B nhất lãn không trả. Tính đến ngày 01/7/2020 ông B, bà Nh còn nợ số tiền gốc là: 1.747.230.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.655.708.708 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.079.269.143 đồng. Tổng là: 4.482.207.851 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng KT đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Xuân B phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền nợ gốc, lãi như nêu trên.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng KT đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là: Thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, tại Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2008 mang tên ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/4/2011 giữa các bên tại Văn phòng công chứng Thăng Long, số 54 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

Ngày 01/7/2020 Ngân hàng KT có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt với số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2020 là 2.042.389.359 đồng; phần lãi phạt phát sinh tiếp theo cho đến khi bà Nh, ông B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; rút yêu cầu về phí phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 18.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Xuân B trình bày:

Bà Nhung, ông B xác nhận việc ký Hợp đồng tín dụng với số tiền vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và tài sản bảo đảm cho khoản vay như Ngân hàng trình bày là đúng.

Do làm ăn kinh tế khó khăn, nên vợ chồng bà Nh, ông B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết với Ngân hàng.

Tính đến ngày 01/7/2020 vợ chồng bà Nh, ông B còn nợ Ngân hàng khoản tiền nợ gốc là 1.747.230.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.655.708.708 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.079.269.143 đồng. Tổng cộng là: 4.482.207.851 đồng và khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến nay.

Nay phía Ngân hàng KTyêu cầu vợ chồng bà Nh, ông B phải trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên, bà Nh, ông B đồng ý trả nợ.

Trường hợp bà Nh, ông B không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì đồng ý để Ngân hàng KTyêu cầu kê biên, phát mại toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, diện tích 75m², tại Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, do UBND huyện Phú Xuyên, Thành Phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2008 mang tên ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 08/4/2011 giữa các bên tại Văn phòng công chứng Thăng Long, số 54 Trần Nhân Tông, quận Hai bà Trưng, Thành phố Hà Nội).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Phùng Văn Thọ trình bày:

Xuất phát từ việc vợ chồng bà Nh, ông B nợ vợ chồng ông Thọ 5.300.000.000đồng nên hai bên đã thỏa thuận trong “Giấy bán đất và nhà 05 tầng” là, vợ chồng ông Thọ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi mà vợ chồng bà Nh, ông B đã vay để trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, còn thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, diện tích 75m², tại Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2008 mang tên ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc về vợ chồng ông Thọ. Sau khi hai bên thỏa thuận ông Thọ đã nộp tiền cho Ngân hàng KT03 lần, tổng cộng là 93.500.000đồng và cho vợ chồng anh Bùi Văn Đức, chị Bùi Thị Lan Anh thuê ở trên thửa đất này. Do làm ăn kinh tế khó khăn nên ông Thọ không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng thay cho vợ chồng ông B, bà Nh như đã cam kết.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, ông Thọ đồng ý để Ngân hàng KTcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp bảo đảm của khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, diện tích 75m², tại tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Đối với việc vợ chồng ông Thọ mua thửa đất của ông B, bà Nh và việc ông Thọ đã nộp thay ông B, bà Nh khoản tiền 93.500.000 đồng vào Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, ông Thọ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Anh Bùi Văn Đức, chị Bùi Thị Lan Anh đều trình bày:

Tháng 6 năm 2018, vợ chồng anh Đức, chị Lan Anh có thuê nhà của ông Phùng Văn Thọ, sinh năm 1969; bà Phùng Thị Lan, sinh năm 1974, ở tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội để ở. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại thửa đất mà vợ chồng anh Đức, chị Lan Anh đang thuê thì mới biết nhà này là của ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh và đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán các khoản vay, thì Ngân hàng KTCó quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp, vợ chồng anh Đức, chị Lan Anh tự chuyển đi nơi khác và không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Tại bản án sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KTCó đối với ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, tính đến ngày 24/7/2020 tổng số tiền là 4.504.972.475 đồng (*Bốn tỷ năm trăm linh bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc: 1.747.230.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.662.707.172 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.095.035.303 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 47143/HĐTD/TH – TN/TCB TLG – PSM ngày 08/4/2011.

Kể từ ngày 25/7/2020 ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh còn phải chịu khoản tiền lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 47143/HĐTD/TH – TN/TCB TLG – PSM ngày 08/4/2011 cho đến khi thanh toán xong hết toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh không trả được nợ thì Ngân hàng KTCó quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, địa chỉ: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 139082, vào sổ cấp GCN số: 00188, do UBND huyện Phú Xuyên, Thành Phố Hà Nội, cấp ngày 28/8/2008, mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng KTCó thì ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh vẫn phải có

nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, nợ lãi còn lại cho Ngân hàng KT đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, ngày 7/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phùng Văn Thọ có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử chưa phù hợp, đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng Ngân hàng KT phải trả cho anh Thọ 147.500.000 đồng mà anh Thọ đã nộp thay cho vợ chồng anh Bình, chị Nhung.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn không kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để hai bên hoà giải cho bị đơn được trả nợ gốc và nhận lại tài sản thế chấp, đồng thời xin Ngân hàng miễn cho bị đơn toàn bộ lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phùng Văn Thọ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Thọ và chị Phùng Thị Lan Lan cùng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết đối với khoản tiền anh chị đã nộp trả nợ thay cho anh Bình, chị Nhung không phải là 93.500.000 đồng mà là 147.500.000 đồng vì anh, chị mới tìm thấy đầy đủ giấy tờ chứng minh khoản tiền đã nộp cho Ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết luôn ở giai đoạn phúc thẩm để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Thọ, chị Lan.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Tại cấp phúc thẩm ông Thọ, bà Lan mới có yêu cầu xem xét giải quyết việc ông, bà đã nộp tiền vào Ngân hàng Ngân hàng KT để trả nợ thay cho ông B, bà Nh. Nay Ngân hàng phát mại tài sản, ông bà đề nghị Ngân hàng trả lại khoản tiền đã nộp vào Ngân hàng. Số tiền ông Thọ, bà Lan yêu cầu Ngân hàng trả lại là 147.500.000 đồng không phải là 93.500.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy tại cấp sơ thẩm ông Thọ, bà Lan không có yêu cầu, lên cấp phúc thẩm mới có yêu cầu này nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Thọ.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phùng Văn Thọ có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Đối với sự vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có đơn kháng cáo. Xét thấy sự vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phùng Văn Thọ:

2.1. Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 08/4/2011, Chi nhánh Thăng Long - Ngân hàng KT- Phòng giao dịch TECHCOMBANK Phạm Sư Mạnh (địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội) đã ký Hợp đồng tín dụng số 47143/HĐTD/TH - TN/TCBTLG - PSM cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh vay 1.850.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận về thời hạn vay, mục đích vay và lãi suất vay đều phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, do bị đơn bà Nh, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Nh, ông B vẫn không trả nợ được đúng hạn như đã cam kết nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nh, ông B phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận và ký kết là đúng và có căn cứ

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà Nh, ông B xác nhận khoản tiền nợ gốc còn lại và lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm như Ngân hàng yêu cầu khởi kiện là đúng, cụ thể, tính đến ngày 24/7/2020 số dư nợ gốc còn lại là 1.747.230.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.662.707.172 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.095.035.303 đồng. Tổng cộng là: 4.504.972.475 đồng.

2.2 Xét Hợp đồng thế chấp:

Ngày 08/4/2011 bà Nh, ông B cùng Ngân hàng Ngân hàng KT ký kết Hợp đồng thế chấp công chứng số 1973.2011/HĐTC-TCB tại Văn phòng công chứng Thăng Long. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 376A, tờ bản đồ số 3, diện tích 75m² tại Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2008 mang tên ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh.

Xét Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa người đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng KTVới bà Nh, ông B có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp được đăng ký hợp pháp tại cơ quan có thẩm quyền. Các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký kết các bên có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện nên hợp đồng được xác định là hợp pháp và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết, quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều có quyền và nghĩa vụ phải thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Ngân hàng KT đã khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi như đề nghị là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi đến ngày 24/7/2020 do Ngân hàng Ngân hàng KT cung cấp thì lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật. Bị đơn cũng xác nhận khoản tiền nợ gốc và lãi do Ngân hàng yêu cầu khởi kiện là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nh, ông B phải thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản nợ như yêu cầu khởi kiện nêu trên là có căn cứ.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng KTCó quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại, xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, địa chỉ: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 139082, vào sổ cấp GCN số: 00188, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội, cấp ngày 28/8/2008, mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Xuân B đối với Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam. Trường hợp số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Nh, ông B vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho đến khi trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho bà Nh và ông B sau khi trừ hết các khoản nợ.

2.3 Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Thọ yêu cầu Ngân hàng phải thanh toán trả cho ông số tiền 147.500.000đồng, không phải là 93.500.000đồng, xét thấy:

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2020, ông Thọ thể hiện quan điểm, đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản trong trường hợp vợ chồng bà Nh, ông B không trả được nợ cho Ngân hàng. Đối với quan hệ vay nợ và mua bán đất giữa vợ chồng ông Thọ với vợ chồng ông B, bà Nh và việc ông Thọ trả nợ cho Ngân hàng 93.500.000 đồng, ông Thọ đề nghị Tòa án tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi ông Thọ có yêu cầu.

Căn cứ vào ý kiến của ông Thọ, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, giải quyết việc vay nợ và mua bán, chuyển nhượng nhà đất giữa ông Thọ với vợ chồng bà Nh, ông B là có căn cứ.

Do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với quan hệ vay nợ cũng như việc mua bán, chuyển nhượng nhà, đất giữa ông Thọ với vợ chồng bà Nh, ông B, quá trình giải quyết vụ án ông Thọ cũng không có yêu cầu độc lập nên việc ông Thọ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết luôn ở cấp phúc thẩm, buộc Ngân hàng phải trả cho ông Thọ, bà Lan khoản tiền đã nộp thay cho vợ chồng bà Nh, ông B sau khi đã tìm thấy đầy đủ giấy tờ chứng minh đã trả cho Ngân hàng 147.500.000đồng là không có trong yêu cầu ban đầu ở giai đoạn sơ thẩm. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, giải quyết ở tại cấp phúc thẩm.

Tuy nhiên việc không giải quyết yêu cầu của ông Thọ trong vụ án này cũng không làm mất đi quyền khởi kiện của ông Thọ. Đối với quan hệ vay nợ và việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Thọ với vợ chồng ông B, bà Nh nếu có căn cứ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thọ bị xâm phạm thì ông Thọ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thọ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của người liên quan là ông Phùng Văn Thọ không được chấp nhận nên ông Thọ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290, 342, 343, 355, 471, 476, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2020/DSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KT đối với ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, tính đến ngày 24/7/2020 tổng số tiền là 4.504.972.475 đồng (*Bốn tỷ năm trăm linh bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc: 1.747.230.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.662.707.172 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.095.035.303 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2020 ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh còn phải chịu khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 47143/HĐTD/TH - TN/TCBTLG - PSM ngày 08/4/2011 cho đến khi thanh toán xong hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân B, bà Nguyễn Thị Nh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng KTCó quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 376A, tờ bản đồ 3, tại địa chỉ: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 139082, vào sổ cấp GCN số: 00188, do UBND huyện Phú Xuyên, thành Phố Hà Nội, cấp ngày 28/8/2008, mang tên ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Xuân B đối với Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam. Trường hợp số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Nh, ông B vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho đến khi trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho bà Nh và ông B sau khi trừ hết các khoản nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 112.504.972 đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm linh bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phùng Văn Thọ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Thọ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005849 ngày 10/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Xác nhận ông Thọ đã nộp xong tiền án phí.

Hoàn trả Ngân hàng KT56.418.400 đồng (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2010/0005660 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam